

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC:

KIỂM TRA SỨC CHỊU ĐỰNG CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI LỚN Ở VIỆT NAM



Tác giả: Phùng Đức Quyền

NỘI DUNG CHÍNH

1

**TÍNH CẤP THIẾT
CỦA ĐỀ TÀI**

2

**TỔNG QUAN
LÝ THUYẾT**

3

**NGHIÊN CỨU
THỰC NGHIỆM
Ở VIỆT NAM**

4

**KHUYẾN NGHỊ
CHÍNH SÁCH**

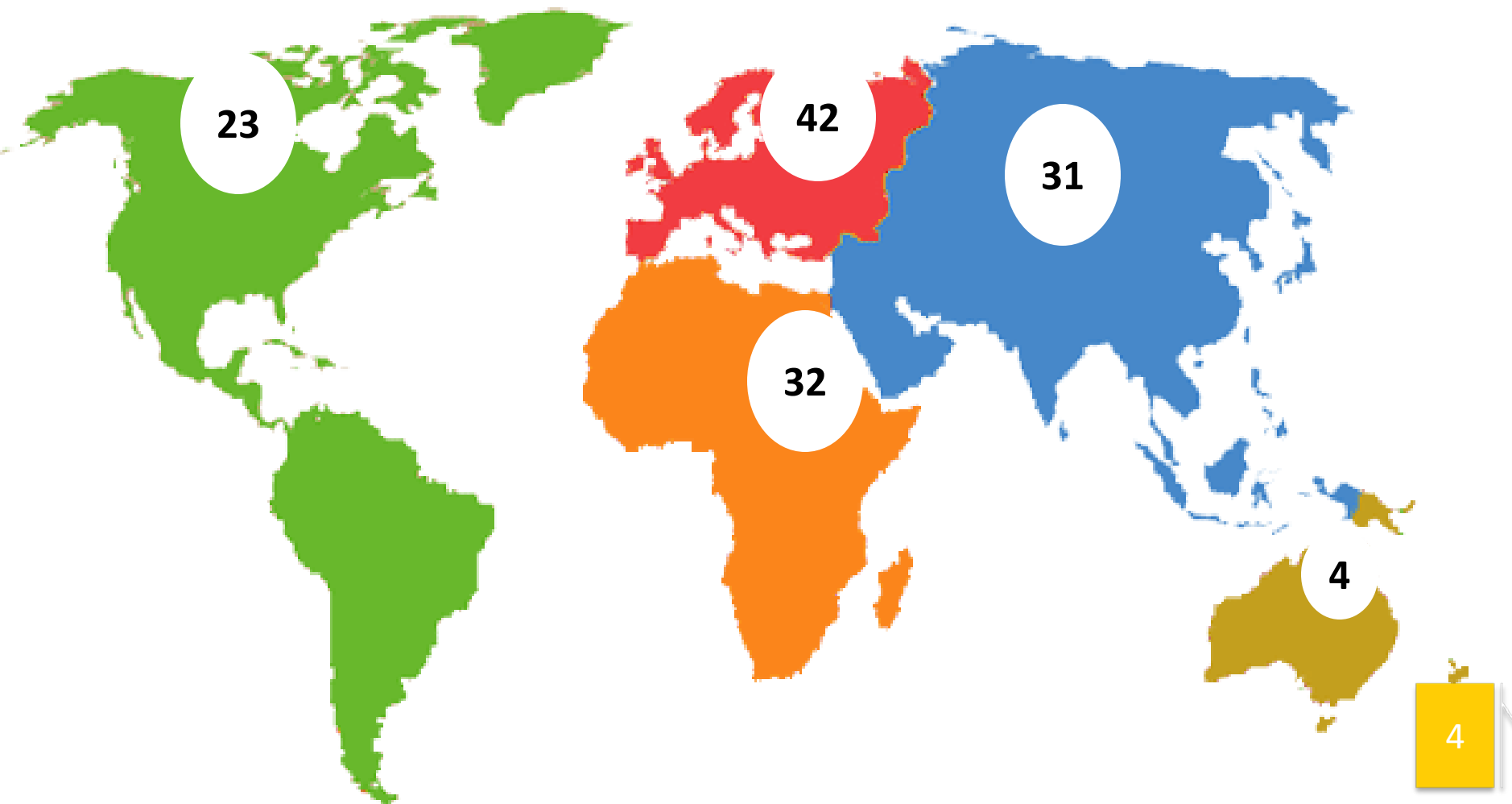
1

TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

1

Chương trình Đánh giá khu vực tài chính (FSAP) của IMF/WB.





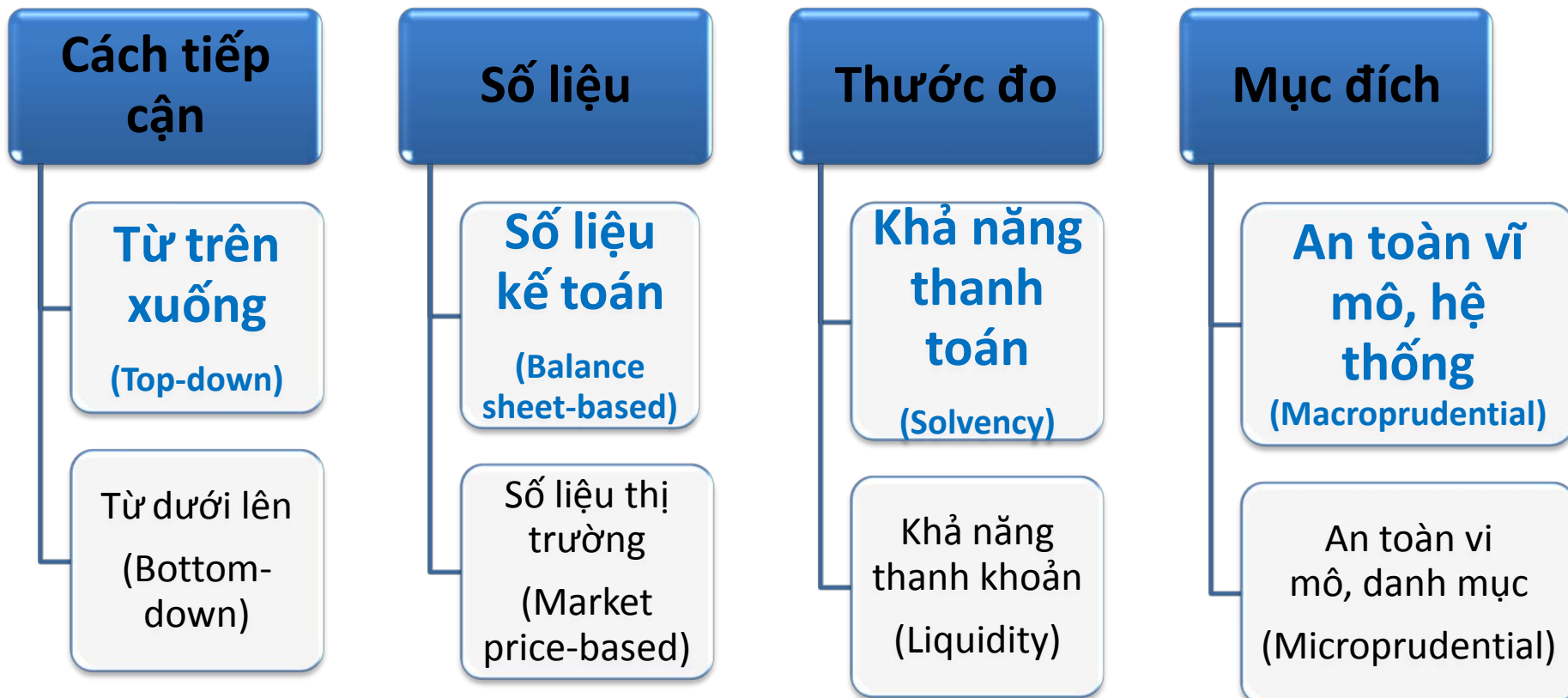
Những lo ngại về sức khỏe hệ thống ngân hàng của Việt Nam.

Chưa có nghiên cứu hoàn chỉnh nào được thực hiện nhằm đánh giá sức chịu đựng của hệ thống ngân hàng Việt Nam!

2

TỔNG QUAN LÝ THUYẾT

Kiểm tra sức chịu đựng (stress-test) các ngân hàng là đặt các ngân hàng vào trong một môi trường kinh tế **vô cùng bất lợi** nhưng **có thể xảy ra** và sử dụng nhiều **công cụ định lượng** để đánh giá khả năng chịu đựng của các ngân hàng trong điều kiện bất lợi đó.



Tham khảo từ các nghiên cứu của nhiều học giả như Čihák (2004a), Qualirello (2009), Jones và cộng sự (2004), ...

1

- **Mức độ bao phủ của bài kiểm tra:** ngân hàng? Công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty tài chính?

2

- **Các loại rủi ro được phân tích:** Rủi ro tín dụng? Rủi ro lãi suất? Rủi ro tỷ giá?

3

- **Xây dựng kịch bản cho bài kiểm tra:** kịch bản cơ sở? Kịch bản bất lợi?

4

- **Áp dụng kịch bản, tính toán tác động đối với các ngân hàng.**

5

- **Diễn giải và đánh giá kết quả.**

3

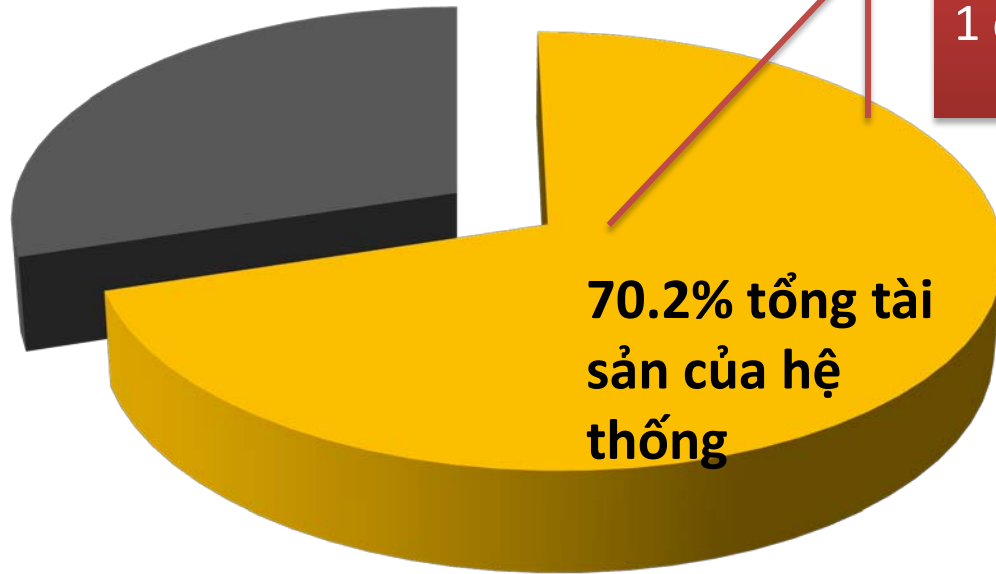
**NGHIÊN CỨU
THỰC NGHIỆM
Ở VIỆT NAM**

BƯỚC 1 – LỰA CHỌN CÁC ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH

3

Sales

3 ngân hàng thương mại nhà nước
13 ngân hàng thương mại cổ phần
1 công ty tài chính



70.2%

Có ảnh hưởng quan trọng đến sự ổn định của toàn hệ thống

BƯỚC 2 – XÁC ĐỊNH NHÂN TỐ RỦI RO

3



Rủi ro tín dụng



Rủi ro lãi suất



Rủi ro tỷ giá



Rủi ro giá tài sản



KỊCH BẢN CƠ SỞ

Những biến động tương đối thông thường của các biến số kinh tế. Tính bất lợi không cao. Dùng để tham chiếu, so sánh.

KỊCH BẢN BẤT LỢI

- **Kịch bản “suy thoái kép”**
Mang yếu tố bất lợi cao.
- **Kịch bản “trì trệ kéo dài”**
Mang yếu tố bất lợi rất cao.

BƯỚC 3 – XÂY DỰNG KỊCH BẢN

3

Kịch bản cơ sở: dựa theo WEO tháng 10/2012 và mô hình Véc-tơ tự hồi quy (Vector Autoregression).

	2012	2013	2014
Tăng trưởng GDP	5.46%	5.94%	6.49%
Lạm phát	11.5%	12.6%	11.4%
Lãi suất cho vay	19.1%	17.3%	21%
Tỷ giá danh nghĩa	VNĐ mất giá 4%	VNĐ mất giá 7.4%	VNĐ mất giá 5.5%
Giá cổ phiếu	Giảm 7.3%	Tăng 8.8%	Tăng 9.3%

BƯỚC 3 – XÂY DỰNG KỊCH BẢN

3

Kịch bản “suy thoái kép”: mô phỏng theo cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á 1997 và có một số điều chỉnh cho phù hợp điều kiện hiện tại.

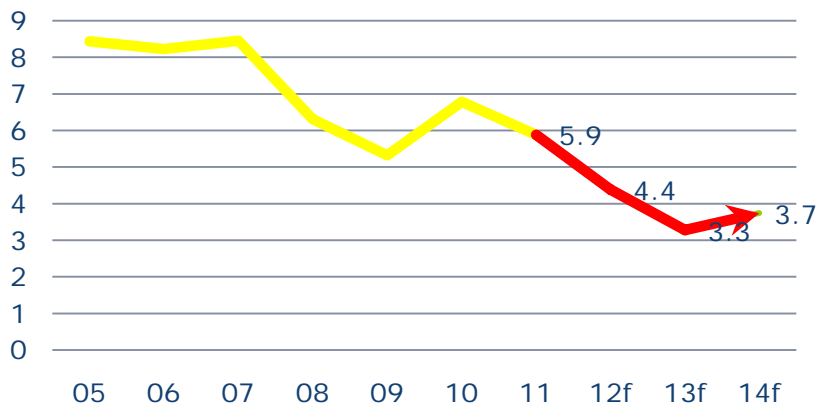
	2012	2013	2014
Tăng trưởng GDP	4.29%	3.28%	3.74%
Lạm phát	22.2%	28.2%	38.5%
Lãi suất cho vay	18.25%	24.25%	34.52%
Tỷ giá danh nghĩa	VNĐ mất giá 10%	VNĐ mất giá 12%	VNĐ mất giá 25%
Giá cổ phiếu	Giảm 25.4%	Giảm 25.4%	Tăng 14.2%

BƯỚC 3 – XÂY DỰNG KỊCH BẢN

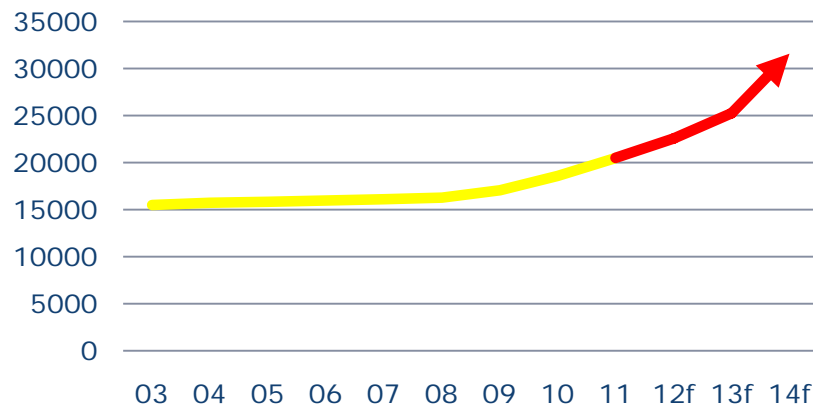
3

Kịch bản “suy thoái kép”: được điều chỉnh dựa theo cuộc khủng hoảng 1997

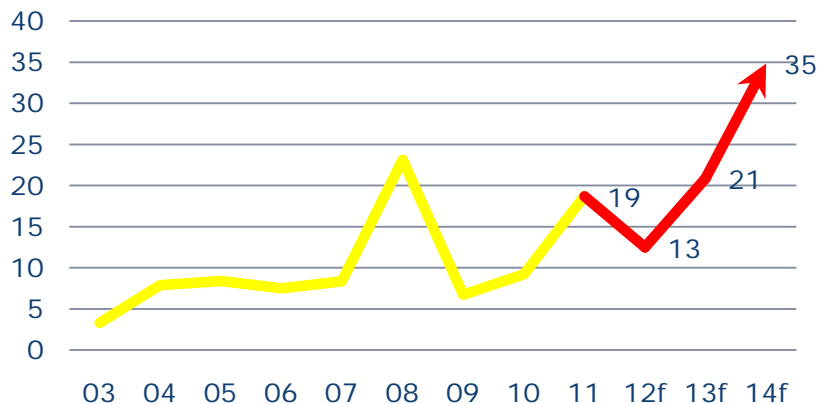
Tăng trưởng GDP (%)



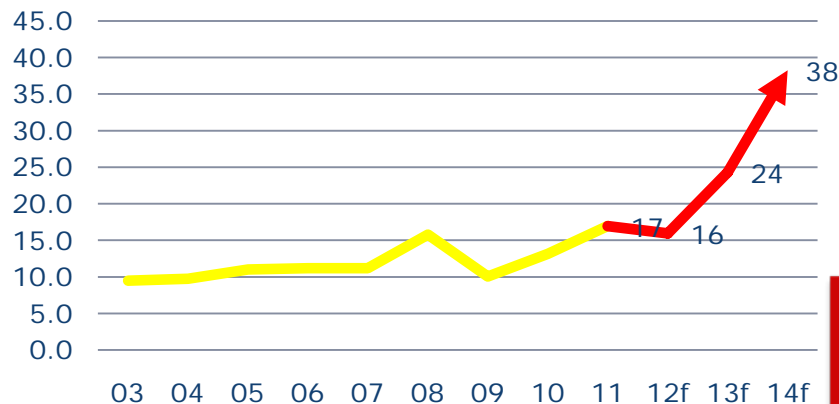
Tỷ giá VNĐ/USD



Lạm phát (%)



Lãi suất cho vay (%)



BƯỚC 3 – XÂY DỰNG KỊCH BẢN

3

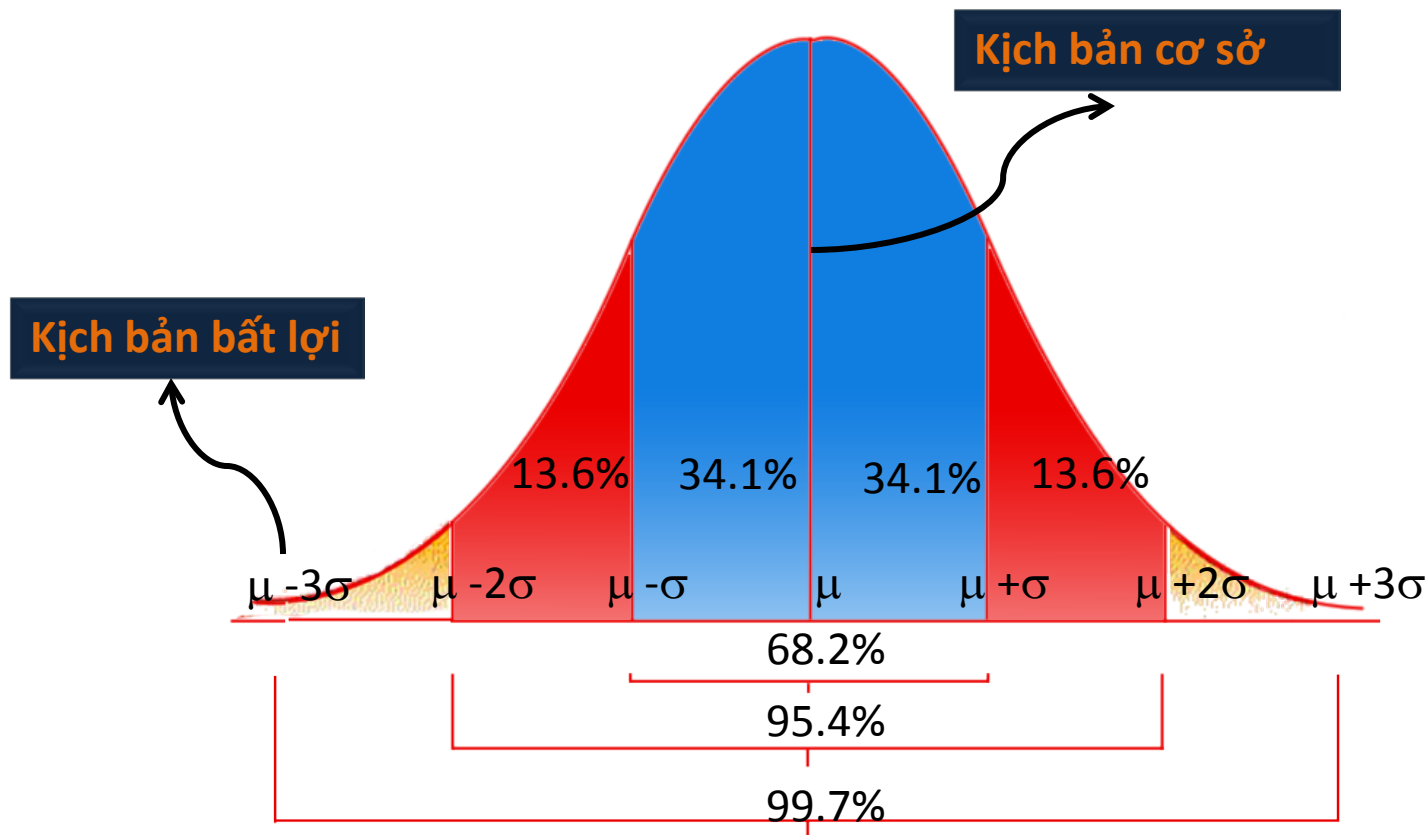
Kịch bản “trì trệ kéo dài”: Dự báo từ mô hình VAR (Vector Autoregression).

	2012	2013	2014
Tăng trưởng GDP	3.94%	2.48%	1.67%
Lạm phát	23.8%	30.2%	39.8%
Lãi suất cho vay	21.1%	27.5%	36.7%
Tỷ giá danh nghĩa	VNĐ mất giá 11.5%	VNĐ mất giá 21.6%	VNĐ mất giá 29.3%
Giá cổ phiếu	Giảm 25.4%	Giảm 25.4%	Giảm 14.2%

BƯỚC 3 – XÂY DỰNG KỊCH BẢN

3

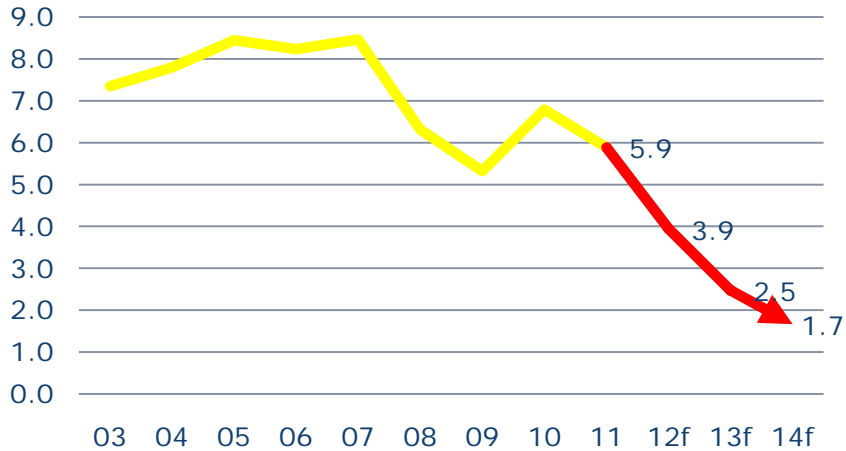
Kịch bản “trì trệ kéo dài”: Dự báo từ mô hình VAR (Vector Autoregression).



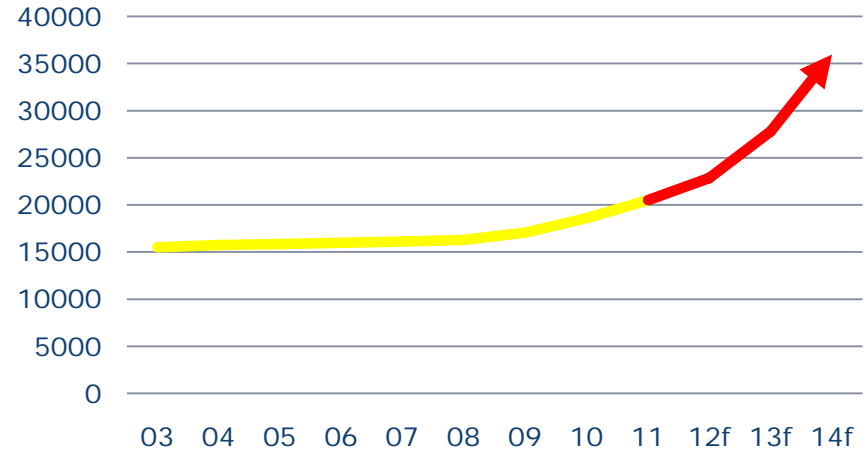
BƯỚC 3 – XÂY DỰNG KỊCH BẢN

3

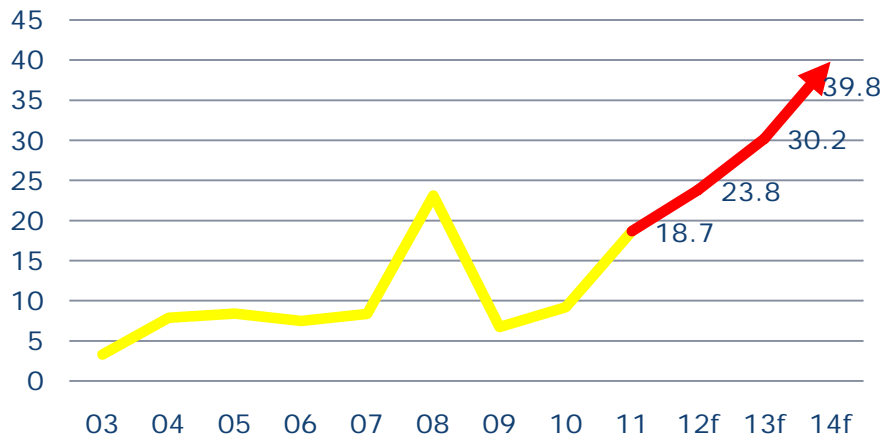
Tăng trưởng GDP (%)



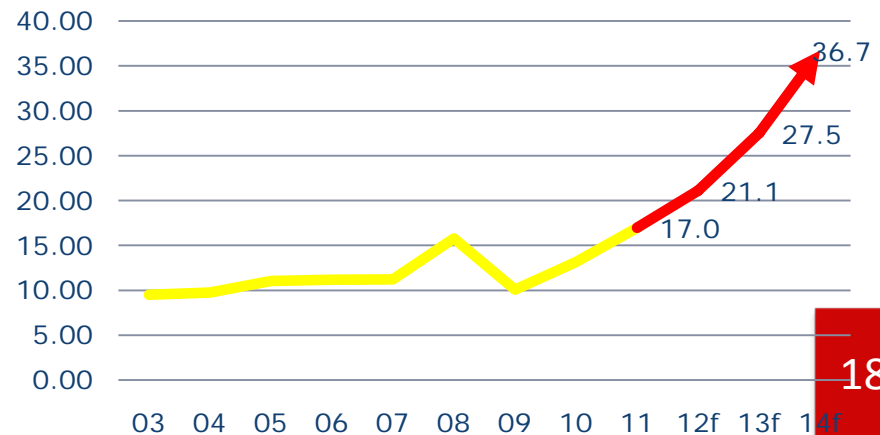
Tỷ giá VNĐ/USD



Lạm phát (%)



Lãi suất cho vay (%)



Rủi ro lãi suất

mô hình khoảng trống định giá lại (repricing-gap model)

Rủi ro tỷ giá

trạng thái ngoại tệ ròng (net open position)

Rủi ro giá cổ phiếu

Rủi ro tín dụng

mô hình rủi ro tín dụng vĩ mô

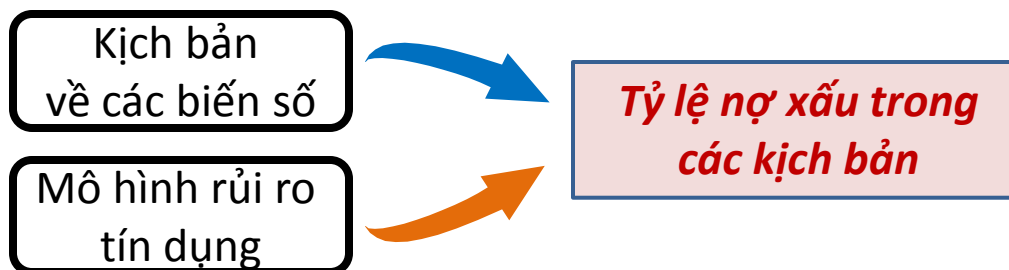
Các yếu tố vĩ mô có ảnh hưởng thế nào đến chất lượng tín dụng?

Mô hình hồi quy số liệu mảng không cân bằng (*unbalanced panel data*), với 55 quốc gia mới nổi và đang phát triển, giai đoạn 2000-2011.

$$\text{NPL} = c + a\text{GDP} + b\text{CPI} + d\text{Int} + e\text{Exr} + u_t$$

Rủi ro tín dụng

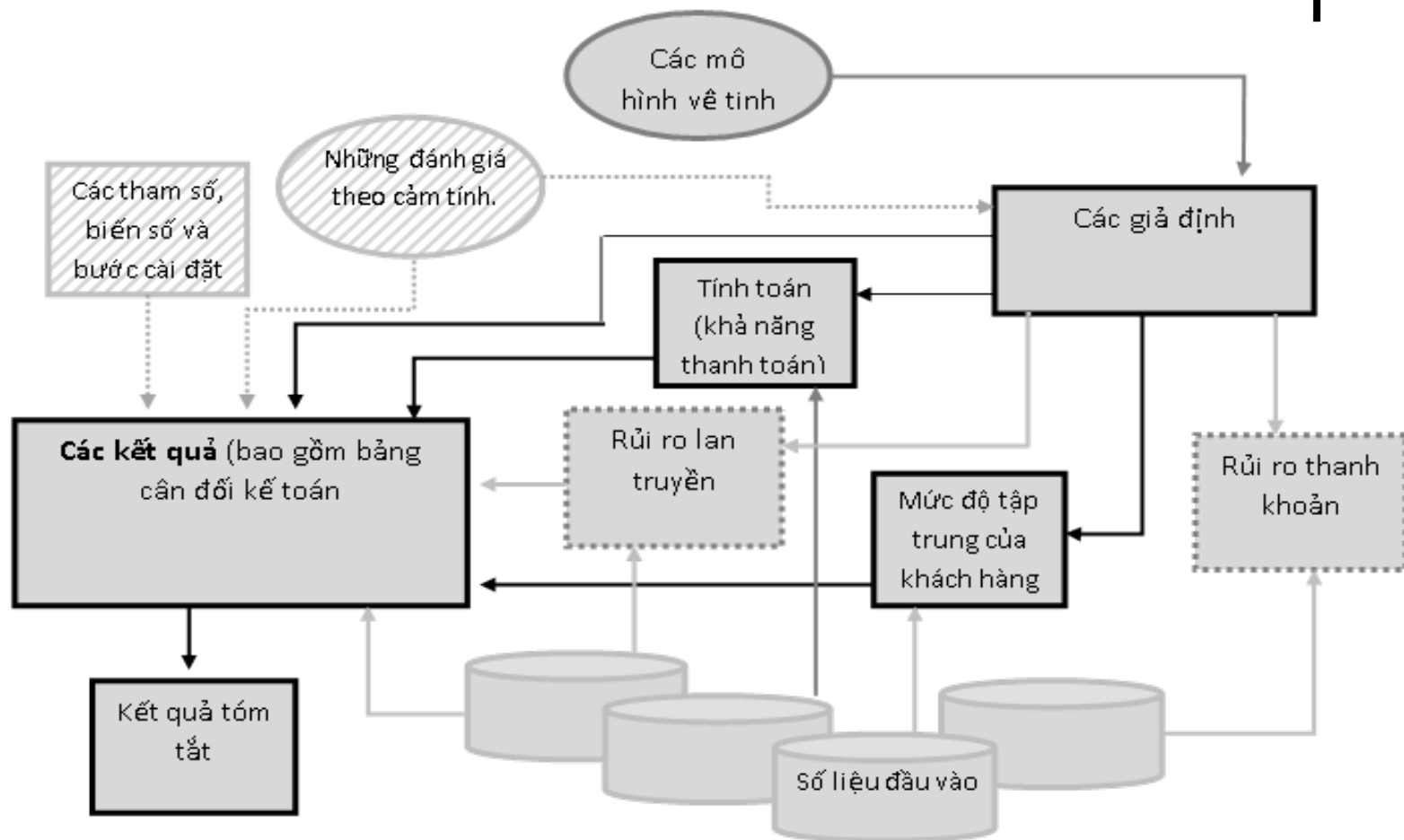
mô hình rủi ro tín dụng vĩ mô



Tỷ lệ nợ xấu (% tổng dư nợ)	2012	2013	2014
Kịch bản cơ sở	3.29	2.86	7.00
Kịch bản “suy thoái kép”	16.04	24.26	22.06
Kịch bản “trì trệ kéo dài”	23.45	27.50	29.57

Rủi ro tín dụng

mô hình rủi ro tín dụng vĩ mô



Thiết kế bởi Schmiedier, Hasan và Puhr (2011) trên nền MS Excel Visual Basic.
Cấu trúc dạng module, gồm 20 sheet với các chức năng khác nhau.

Kịch bản cơ sở (baseline)

- 8 ngân hàng không đạt mức CAR 9% theo quy định.
- Hệ số CAR trung bình của 17 ngân hàng chỉ còn 8.2% (năm 2014)
- Chi phí để tái cấp vốn (recapitalization cost) cho 17 ngân hàng là 0.78% (CAR>9%) hoặc 2.71% (CAR>11%) GDP theo giá thực tế 2012

Thống kê mô tả hệ số CAR của 17 ngân hàng.

	2011	2012e	2013e	2014e
Nhỏ nhất	9.3%	0.0%	0.0%	0.0%
Trung vị	11.3%	2.5%	1.0%	0.6%
Lớn nhất	17.2%	6.0%	4.3%	4.3%
Trung bình	11.1%	2.2%	1.2%	1.1%

Kịch bản “suy thoái kép” (double-dip)

- 0 ngân hàng không đạt mức CAR 9% theo quy định.
- Hệ số CAR trung bình của 17 ngân hàng còn 2.7% - 3.7%.
- Chi phí để tái cấp vốn (recapitalization cost) cho 17 ngân hàng là 14.55% GDP để từng ngân hàng có CAR > 9%

Thống kê mô tả hệ số CAR của 17 ngân hàng.

	2011	2012e	2013e	2014e
Nhỏ nhất	9.3%	0.0%	0.0%	0.0%
Trung vị	11.3%	2.5%	1.0%	0.6%
Lớn nhất	17.2%	6.0%	4.3%	4.3%
Trung bình	11.1%	2.2%	1.2%	1.1%

Kịch bản “trì trệ kéo dài” (prolonged slow-growth)

- 0 ngân hàng không đạt mức CAR 9% theo quy định.
- Hệ số CAR trung bình của 17 ngân hàng giảm mạnh, còn 1.1% - 2.2%.
- Chi phí để tái cấp vốn (recapitalization cost) cho 17 ngân hàng là 20.75% GDP để từng ngân hàng có CAR > 9%

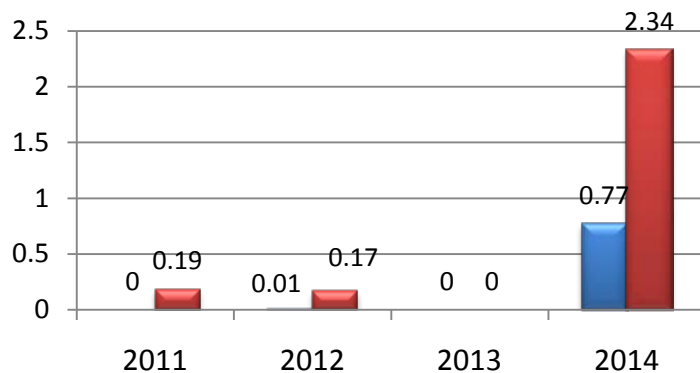
Thống kê mô tả hệ số CAR của 17 ngân hàng.

	2011	2012e	2013e	2014e
Nhỏ nhất	9.3%	0.0%	0.0%	0.0%
Trung vị	11.3%	2.5%	1.0%	0.6%
Lớn nhất	17.2%	6.0%	4.3%	4.3%
Trung bình	11.1%	2.2%	1.2%	1.1%

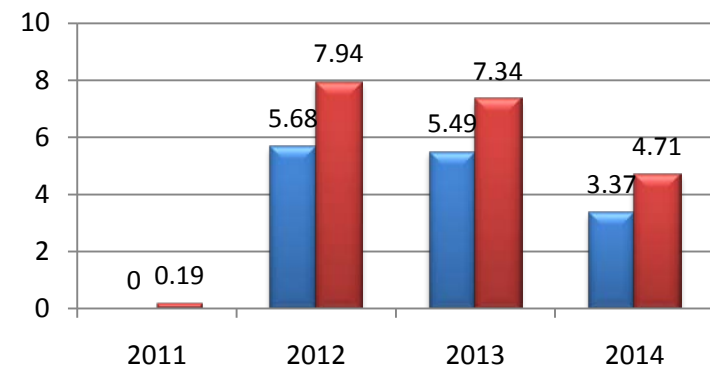
BƯỚC 5 – DIỄN GIẢI VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

3

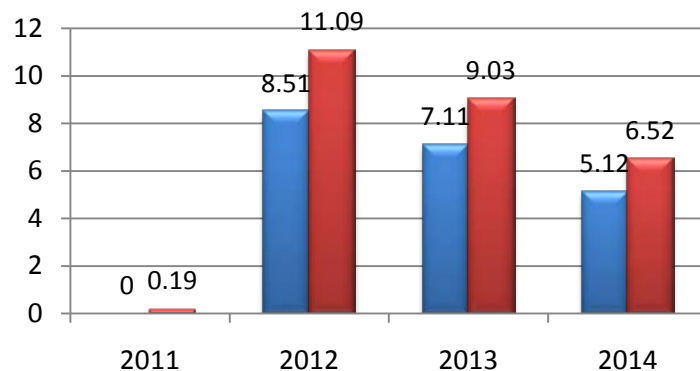
a/ Kịch bản cơ sở



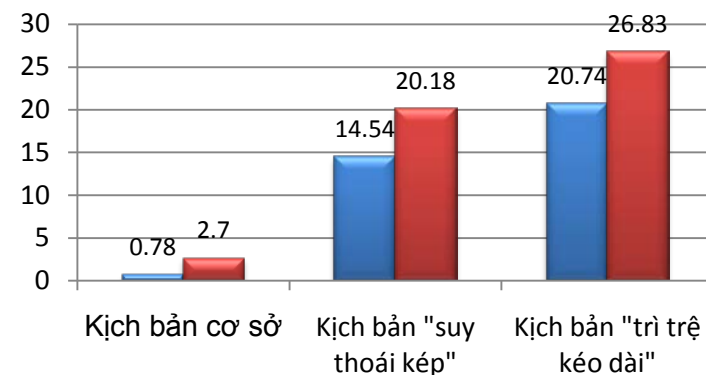
b/ Kịch bản “suy thoái kép”



c/ Kịch bản “trì trệ kéo dài”



d/ Tổng chi phí ở 3 kịch bản



■ Hệ số CAR mục tiêu = 9%

■ Hệ số CAR mục tiêu = 11%

Chi phí tái cấp vốn ở các quốc gia khác trên thế giới.

Quốc gia	Chi phí	Quốc gia	Chi phí
Phillippines	13.7%	Bỉ	6%
Hàn Quốc	31.2%	Nigeria	11.8%
Thái Lan	43.8%	Anh	6.9%
Indonesia	56.8%	Mỹ	4.5%
Malaysia	16.4%	Hy Lạp	25.4%
Hungary	10%	Iceland	44.2%
Hà Lan	6.6%	Ireland	40.7%

(Chưa bao gồm các chi phí bảo đảm và mua lại tài sản)

4

KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

KỊCH BẢN CƠ SỞ

Hạn chế phân phối lợi nhuận.

Không trả cổ tức, mua lại cổ phiếu, giảm lương thưởng.

Sáp nhập với ngân hàng khác.

Không giải quyết được tận gốc rủi ro.

Cần gắn với các giải pháp cải cách trong dài hạn.

KỊCH BẢN “SUY THOÁI KÉP”

Phát hành thêm cổ phần cho nhà đầu tư.

Cổ đông hiện hữu, nhà đầu tư tư nhân khác.

Sử dụng các công cụ tài chính được thiết kế đặc biệt cho các thời kỳ khủng hoảng.

Trái phiếu chuyển đổi, Hợp đồng bảo hiểm vốn, ...

KỊCH BẢN “TRÌ TRỆ KÉO DÀI”

Cho ngân hàng yếu kém phá sản.

- DIV bảo đảm tiền gửi cho người gửi tiền.
- NHNN thực hiện vai trò người cho vay cuối cùng và hỗ trợ thanh khoản.

Nhà nước trực tiếp bơm vốn cho các ngân hàng (quốc hữu hóa).

Vấn đề rủi ro đạo đức.

Nguồn tiền ???

**CẢM ƠN CÁC BẠN ĐÃ THAM DỰ VÀ
CHÚ Ý THEO DÕI!**

